NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ LÓNG TRONG TIẾNG ANH

DOÃN THỊ LAN ANH*

TÓM TẮT: Tiếng lóng là một biến thể của ngôn ngữ được sử dụng trong một nhóm nhỏ trong cộng đồng. Đóng vai trò chủ đạo của tiếng lóng là các từ ngữ lóng. Các từ ngữ lóng thường không mang nghĩa trực tiếp, nghĩa đen mà mang nghĩa tượng trưng, nghĩa bóng. Tiếng lóng ngày càng phát triển mạnh mẽ và có xu hướng sử dụng "liên nhóm xã hội". Chính những đặc điểm này làm cho nghĩa của từ lóng trở nên phong phú đa dạng. Bài viết này tìm hiểu đặc điểm ngữ nghĩa của từ ngữ lóng tiếng Anh ở các mặt như: như tạo từ mới mang nghĩa lóng, phát triển nghĩa lóng từ các từ ngữ đã có; các hiện tượng đồng nghĩa, đồng âm của từ ngữ lóng.

TỪ KHÓA: tiếng lóng; từ ngữ lóng; đặc điểm ngữ nghĩa; đồng nghĩa; đa nghĩa; đồng âm.

NHẬN BÀI: 12/02/2023. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/04/2023

1. Một số vấn đề chung

1.1. Tiếng lóng là một biến thể của ngôn ngữ được sử dụng trong một nhóm nhỏ trong cộng đồng,. Đóng vai trò chủ đạo của tiếng lóng là các từ ngữ lóng. Các từ ngữ lóng thường không mang nghĩa trực tiếp, nghĩa đen mà mang nghĩa tượng trưng, nghĩa bóng. "Tiếng lóng chỉ dùng trong giao tiếp không chính thức, mang tính chất lâm thời xuất hiện nhanh chóng và mất đi cũng nhanh chóng" (Nguyễn Văn Khang, 2010), là "những từ không phải toàn dân sử dụng" (Nguyễn Thiện Giáp, 1985) mà "do những nhóm, những lớp người trong xã hội dùng để gọi tên những sự vật, hiện tượng, hành động,… vốn đã có tên gọi trong vốn từ vựng chung, nhằm giữ bí mật trong nội bộ nhóm mình, tầng lớp mình." (Mai Ngọc Chừ và cộng sự, 1997), thường được sử dụng để thể hiện sự gắn kết và sự khác biệt giữa các nhóm xã hội.

Ngày nay, tiếng lóng là một phần không thể thiếu trong văn hóa xã hội hiện đại. Nó phản ánh các xu hướng, thói quen, nhu cầu, tình cảm và tư tưởng của một nhóm người cụ thể. Sự phát triển của tiếng lóng phụ thuộc vào hàng loạt các nhân tố văn hóa xã hội như: sự phát triển của xã hội, văn hóa, kinh tế và công nghệ. Trong xã hội hiện đại, sự phát triển của tiếng lóng được đẩy mạnh bởi sự phổ biến của các phương tiện truyền thông đại chúng, đặc biệt là mạng Internet và các ứng dụng liên lạc trực tuyến như Facebook, Twitter, Instagram, TikTok, v.v. Nhờ vào sự tiện lợi của các ứng dụng này, các từ ngữ lóng có thể nhanh chóng lan truyền và phổ biến trong cộng đồng mạng, từ đó có thể lan rộng ra ngoài cộng đồng, trở thành một phần của ngôn ngữ hàng ngày, làm cho tiếng lóng trở nên quen thuộc và phổ biến hơn trong xã hội.

1.2. Tiếng lóng ngày càng phát triển mạnh mẽ và có xu hướng sử dụng "liên nhóm xã hội' là do nhiều yếu tố khác nhau, chẳng hạn:

(1) Sự đa dạng và phức tạp của xã hội hiện đại được thể hiện bởi sự xuất hiện nhiều nhóm và tầng lớp xã hội khác nhau. Mỗi nhóm và tầng lớp có các giá trị, lối sống, tình cảm, quan điểm riêng, từ đó dẫn đến sự ra đời của các từ ngữ và thuật ngữ đặc trưng cho mỗi nhóm và tầng lớp. Các từ ngữ và thuật ngữ này được sử dụng để thể hiện sự tương phản và sự khác biệt giữa các nhóm và tầng lớp xã hội.

(2) Sự phổ biến của truyền thông đại chúng: Sự xuất hiện và ngày càng phát triển của mạng

* *Học viện Y học cổ truyền; Email: anhminh0409@gmail.com*

Internet đã làm cho việc truyền tải thông tin và tiếp cận với ngôn ngữ dễ dàng hơn bao giờ hết. Nhờ vào sự tiện lợi và tốc độ của Internet, các từ ngữ và thuật ngữ mới có thể được lan truyền nhanh chóng và phổ biến rộng rãi trong cộng đồng, từ đó tạo ra một văn hóa ngôn ngữ đa dạng và phong phú.

(3) Sự biến động của ngôn ngữ trong xã hội: Ngôn ngữ trong xã hội luôn có những biến động theo thời gian và xu hướng. Tiếng lóng là một phần của sự thay đổi này. Các từ ngữ mới, trong đó có từ ngữ lóng được sử dụng để phản ánh sự thay đổi và phát triển của xã hội.

(4) Mối quan hệ mạnh mẽ giữa ngôn ngữ và văn hóa: Ngôn ngữ và văn hóa là hai khía cạnh của một đất nước và một dân tộc. Việc sử dụng tiếng lóng cũng phản ánh sự đa dạng và phức tạp của văn hóa và xã hội.

1.3. Tiếng lóng không có một hệ thống ngữ âm hoặc ngữ pháp riêng, mà khác biệt chủ yếu ở mặt ngữ nghĩa, đó là điểm khác biệt chính so với ngôn ngữ chính thống. Từ ngữ lóng được xây dựng trên cơ sở phân biệt cái biểu đạt với cái được biểu đạt của những từ ngữ thường dùng, đồng thời bổ sung các từ ngữ mới. Trong giao tiếp, người nghe cần phải giải mã, và thường chỉ thành viên trong cùng nhóm xã hội mới có thể hiểu được nó. Vì vậy, tiếng lóng được xem như một phương ngữ xã hội. Tiếng lóng là biến thể đặc thù của ngôn ngữ học xã hội, trong đó biến xã hội là biến có giá trị biểu hiện bằng các nhân tố xã hội cần được xem xét khi nghiên cứu ngôn ngữ. Các nhân tố xã hội có ảnh hưởng, chi phối đến việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ, có thể bao gồm: (1) Văn hóa và xã hội (yếu tố như địa lí, đời sống văn hóa, tôn giáo, truyền thống, thói quen ẩm thực, sở thích giải trí, các hoạt động thường ngày…); (2) Nhóm người sử dụng (nhóm người có chung sở thích, lối sống và giới hạn địa lí); (3) Tầng lớp xã hội (tầng lớp lao động, tầng lớp thượng lưu, tầng lớp trí thức…); (4) Truyền thông (phim ảnh, âm nhạc, truyền hình và mạng xã hội); (5) Giáo dục (phương pháp giáo dục và học tập), v.v.

1.4. Trước đây, theo quan niệm truyền thống, từ ngữ lóng thường để chỉ xã hội đen như ma túy, mại dâm, trộm cướp, hay buôn lậu; và người ta coi từ ngữ lóng là ngôn ngữ xấu, có thể gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường và tâm lí trong giao tiếp, không phù hợp với trong cuộc sống hàng ngày, tạo ra khoảng cách giữa các nhóm xã hội. Nhưng thực tế hiện nay, từ ngữ lóng ngày càng được dùng ở phạm vi rộng hơn, sử dụng phổ biến trong các cộng đồng, tầng lớp hoặc nhóm xã hội. Có thể nói tất cả các nhóm xã hội đều có từ lóng, ví dụ trong môi trường học tập, nhà trường, trong buôn bán, kinh doanh, trong chính trị, và thậm chí là ngay trong y học.

Để minh chứng cho những điều trên, bài viết này này khảo sát đặc điểm ngữ nghĩa của từ ngữ lóng trong tiếng Anh ở các mặt như: tính mới mẻ về nghĩa, các hiện tượng đồng nghĩa, đa nghĩa, đồng âm.

2. Nội dung

2.1. Tạo từ mới mang nghĩa lóng

Sự mới mẻ, "phá cách" là đặc điểm nổi bật trong sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay. Giới trẻ thường nỗ lực trong việc tạo ra các từ ngữ mới trong đó có từ ngữ lóng bằng cách chỉnh sửa hình thức hoặc ý nghĩa của các từ ngữ hiện có. Ví dụ:

Từ *selfie* được giới trẻ sáng tạo và trở thành một từ tiếng Anh phổ biến trong những năm gần đây, thể hiện hành động "chụp ảnh tự sướng".

Các từ khác: *foodie* (người yêu thích ẩm thực), *stan* (người hâm mộ), *bae* (người yêu), *woke* (nhận thức và có ý thức về các vấn đề xã hội), *squad* (nhóm bạn), *fam* (gia đình hoặc nhóm bạn thân) và *'lit'* (tuyệt vời, sống động) được sử dụng phổ biến gần đây, thể hiện tính mới lạ và phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Để diễn tả ai đó điên rồ, tâm thần, lập dị, một loạt các từ được giới trẻ sáng tạo nhằm làm phong phú trong cách diễn đạt của mình: *bonkers* (được cho là từ âm thanh phát ra khi đánh vào thứ gì đó (bonk), có liên quan tới một cú đánh vào đầu), *nutcase, nutter, nutty, off one's trolley/rocker.* Ví dụ:

- Spend a thousand pounds on a dress! Are you off your rocker?

(Bỏ ra một nghìn bảng để mua một chiếc đầm! Chị có điên không đấy?)

- Sabrina: *Oh, he's such a nutter isn't he.* (Ôi anh ta thật là kẻ kì quặc nhỉ?)

Caroline: *Oh right.* (Ừ đúng vậy)

Sabrina: *God he's such a nutcase*. (Chúa ơi! Anh ta thật là một gã điên rồ).

Những người trẻ thực sự sáng tạo và liên tục tìm kiếm những cách diễn đạt mới lạ cho thấy rằng họ là người sành điệu. Họ thay đổi cách nói nhanh như thay đổi quần áo, kiểu tóc hay trang điểm, phù hợp với xu hướng của xã hội hiện đại (Milooy, 1998).

2.2. Phát triển nghĩa lóng

Cách phát triển nghĩa lóng cho các từ ngữ đã có dựa trên phương thức phát triển nghĩa của từ. Khảo sát cho thấy, phương thức chủ yếu được sử dụng là ẩn dụ (gọi tên các sự vật, hoặc hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nhau).

(i) Ẩn dụ dựa trên sự tương đồng về hình thức: hình thức chuyển đổi tên gọi dựa trên cơ sở hai sự vật có sự giống nhau về hình thức hoặc một đặc điểm hình thức.

Stud; Slave: người nô lệ => nghĩa lóng là "người làm việc đầu tắt mặt tối; sinh viên y khoa".

Heavy Hammer: chiếc búa tạ => nghĩa lóng là "thuốc giảm đau có tác dụng rất mạnh".

Yellow submarine: tàu ngầm vàng, lấy từ tên một bài hát nổi tiếng của ban nhạc The Beatles => nghĩa lóng là "bệnh nhân xơ gan cổ chướng".

Barbecue: tiệc nướng ngoài trời => nghĩa lóng là "liệu pháp xạ trị" (sử dụng các chùm tia có năng lượng lớn, tác động đến những khối u ác tính, từ đó ngăn chặn sự phát triển của tế bào ung thư).

- Ẩn dụ dựa trên sự tương đồng về đặc điểm, tính chất: hình thức sử dụng các hình ảnh gần gũi và quen thuộc để gián tiếp so sánh những đặc trưng tương đồng một cách tế nhị và tinh tế. Ví dụ:

A Karen: nhân vật trong các bộ phim truyền hình được xây dựng hình tượng người phụ nữ thường xuyên khó chịu, tự tin quá đáng, luôn cho rằng mình đúng, dù sai rõ ràng; được sử dụng với nghĩa lóng để mỉa mai những người cáu kỉnh, hay giận dữ, đáng ghét, thường phân biệt chủng tộc, cho rằng mình có đặc quyền, tỏ vẻ bề trên, ví dụ:

+ A: My wife won't let the kids get vaccinated. (Vợ tôi không cho bọn trẻ đi tiêm phòng.)

B: I'm sorry but she sounds like a Karen to me. (Tôi xin lỗi nhưng cô ấy nghe giống như một Karen đối với tôi.)

+ A: I met a Karen at work today. She kept asking for Pepsi while we only serve Coke. (Tôi đã gặp một Karen tại nơi làm việc ngày hôm nay. Cô ấy cứ đòi Pepsi trong khi chúng tôi chỉ phục vụ Coke)

B: Wow. And did she also ask to speak to your manager? (Ồ, và rồi cô ấy có yêu cầu nói chuyện với quản lí không?)

Arm candy: viên kẹo bên tay => nghĩa lóng "trai xinh, gái đẹp, người đẹp, ngôi sao đi cùng dự tiệc, sự kiện (không nhất thiết có tình cảm, để khoe thôi)"; hàng tay vịn.

I met Dr. Watson's latest date. He always has the best arm candy.

(Tôi đã gặp bạn gái mới nhất của ngài Walson. Cái ông già lịch lãm ấy lúc nào cũng cặp với một cô trẻ tuổi vô cùng quyến rũ.)

Peek-and-shriek (Open and Close) => nghĩa lóng là "mở ra rồi đóng lại" (trong y học được giới ngoại khoa dùng để miêu tả tình huống đưa bệnh nhân lên bàn mổ, mở ra rồi đóng lại do nhận thấy bệnh nan y không chữa được).

Blabber người hay nói ba hoa, người hay tiết lộ bí mật => nghĩa long là "bệnh nhân nói quá nhiều".

(ii) Ẩn dụ dựa trên sự tương đồng về cách thức

Wolves: con sói => trong lĩnh vực tài chính, từ này được dùng với nghĩa lóng chỉ những kẻ lập dị phi đạo đức trên thị trường chứng khoán nổi tiếng với những thành công phi đạo đức.

Sheep: con cừu => ám chỉ kẻ chạy theo bầy đàn thiếu kỉ luật và có chiến lược giao dịch không tập trung và dựa trên đề xuất của người khác.

Rabbits: con thỏ => dùng để chỉ những người đầu cơ mua cổ phiếu trong khoảng thời gian rất ngắn, từ vài tuần đến mua và bán trong ngày vì họ nhạy cảm và lo sợ với các biến cố rủi ro có thể xảy ra. (Thỏ là động vật tương đối yếu, khá nhạy cảm và dễ có phản ứng cơ thể với những điều kiện thay đổi của môi trường bên ngoài).

Gucci: là tên một thương hiệu thời trang nổi tiếng và đắt đỏ trên thế giới, được giới trẻ sử dụng với nghĩa lóng là ngầu, thời thượng, sang chảnh khi có ý khen ngợi ai đó thật nổi bật.

Bird: chim (bay lượn trên bầu trời) => dùng để chỉ máy bay các loại, và cũng là cách lính Mỹ gọi máy bay trực thăng trong chiến tranh ởViệt Nam.

Bull: con bò (có đặc điểm là hùng hục xông lên phía trên) => ám chỉ nhà đầu cơ giá lên.

2.3. Hiện tượng đồng nghĩa của từ ngữ lóng

Các nhóm xã hội thường tạo ra từ ngữ lóng theo tính chất tự phát và được chấp nhận trong nhóm. Khi diễn đạt các sự vật và hiện tượng khác nhau, các đối tượng trong nhóm nói riêng và nhóm xã hội nói chung thường tạo ra từ ngữ lóng mới. Do đó, nhiều từ lóng cùng biểu đạt một sự vật hoặc hiện tượng, dẫn đến việc hình thành nhiều từ lóng đồng nghĩa. Chẳng hạn:

a) Nhóm từ ngữ lóng chỉ đồng tiền. Ví dụ:

Dough: có nghĩa là tiền, đồng tiền, được sử dụng như một cách gọi khác của tiền bạc.

Bucks: được sử dụng để chỉ đơn vị tiền tệ của Mỹ, dollar (*Can I borrow a few bucks?*).

Greenbacks: là một cách gọi khác của tiền giấy Mỹ, bắt nguồn từ màu xanh lá cây trên tiền giấy.

Cash: là từ lóng được sử dụng để chỉ tiền mặt, tiền mà bạn có thể cầm và sử dụng ngay lập tức.

Benjamins: đây là một cách gọi khác của tiền giấy Mỹ có mệnh giá 100 USD, được đặt theo tên của Benjamin Franklin, một trong những chữ kí trên tiền giấy đó.

Moolah: được sử dụng để chỉ tiền bạc, có nguồn gốc từ tiếng Tây Ban Nha "mohalla", có nghĩa là tiền lẻ.

Loot: có nghĩa là tiền bạc hoặc tài sản được kiếm được, thường được sử dụng trong các tình huống trộm cắp hoặc cướp đoạt.

Scratch: được sử dụng để chỉ tiền bạc hoặc thu nhập.

Coin: là cách gọi khác của đồng xu và được sử dụng rộng rãi trong tiếng Anh.

Cheddar: là từ lóng được sử dụng để chỉ tiền bạc, bắt nguồn từ màu và hương vị của phô mai cheddar.

b) Nhóm từ ngữ lóng chỉ trái phiếu. Ví dụ:

Bond: trái phiếu; trong tiếng lóng, có thể được sử dụng để chỉ những trái phiếu đặc biệt hoặc những tài sản có giá trị tương tự như trái phiếu.

Debt instrument: trái phiếu.

Paper: là cách gọi thông dụng và đơn giản để chỉ trái phiếu.

IOU (I owe you): được sử dụng để chỉ trái phiếu không được bảo lãnh hoặc không có giấy tờ chính thức.

Junk bond: chỉ các trái phiếu được đánh giá thấp và có rủi ro cao, thường được phát hành bởi các công ty khởi nghiệp hoặc có nợ nần cao.

Muni: sử dụng để chỉ trái phiếu của các địa phương hoặc tổ chức chính phủ địa phương.

Treasury: chỉ trái phiếu phát hành bởi Chính phủ Hoa Kỳ, có uy tín và an toàn.

Coupon: chỉ lãi suất được trả cho các trái phiếu.

Sleeper: chỉ trái phiếu với lãi suất thấp nhưng tiềm năng tăng giá trị cao trong tương lai.

c) Nhóm từ ngữ lóng chỉ trạng thái tăng/ giảm trong thị trường chứng khoán. Ví dụ:

Dip: chỉ sự giảm giá ngắn hạn.

Correction: chỉ sự giảm giá lâu dài, chỉnh sửa giá.

Slump: chỉ sự giảm giá đột ngột và nghiêm trọng.

Surge: chỉ sự tăng giá mạnh mẽ và đột ngột.

Volatile: chỉ sự biến động mạnh và không ổn định của giá cả.

Whipsaw: chỉ sự biến động giá lớn, tăng rồi giảm mạnh và ngược lại.

Crash: chỉ sự giảm giá nghiêm trọng và đột ngột, thường xảy ra trong một thời kỳ khủng hoảng.

c) Nhóm từ ngữ lóng chỉ đối tượng là sinh viên y khoa. Ví dụ:

Med student: là cách gọi đơn giản và thông dụng nhất để chỉ sinh viên y khoa.

Scrub jockey: được sử dụng để chỉ sinh viên y khoa đang học tập hoặc thực tập trong phòng mổ.

Anatomy nerd: được sử dụng để chỉ những sinh viên y khoa rất say mê và đam mê về bộ môn giải phẫu.

Gunner: là một thuật ngữ lóng để chỉ những sinh viên y khoa cạnh tranh quá đà, có xu hướng tỏ ra giỏi hơn và có thái độ thái quá khi làm việc.

Scalpel-happy: là cách gọi khác của các sinh viên y khoa có đam mê và thích học tập về phẫu thuật.

Bookworm: được sử dụng để chỉ những sinh viên y khoa rất ham đọc sách và nghiên cứu về y học.

Lab rat: chỉ những sinh viên y khoa thích làm việc trong phòng thí nghiệm.

Anatomy chop shop: được sử dụng để chỉ một lớp học về giải phẫu, vì trong lớp học này sinh viên y khoa phải phân tích và cắt bóc các cơ quan, mô và xương của con người.

Steth-head: là một cách gọi khác của các sinh viên y khoa đam mê và say mê việc sử dụng ống nghe để nghe tim và phổi của bệnh nhân.

Doctor-to-be: chỉ những sinh viên y khoa đang học để trở thành bác sĩ.

2.4. Hiện tượng đồng âm của từ ngữ lóng

Hiện tượng từ đồng âm theo Từ điển Oxford, là "những từ có cách viết hoặc cách phát âm tương tự nhau nhưng lại khác biệt về mặt ý nghĩa".

a) Từ ngữ lóng có cách viết giống nhau.

Cool: sự mát mẻ, thời thượng; diễn đạt sự thích thú, ấn tượng. Ví dụ:

The weather is so cool today. (Thời tiết hôm nay rất mát mẻ.)

That new album is really cool! (Album mới thật sự tuyệt!)

Sick: chỉ sự tồi tệ ; diễn đạt sự ấn tượng, đáng kinh ngạc. Ví dụ:

I can't go to work today, I feel sick. (Tôi không thể đi làm hôm nay, tôi cảm thấy tồi tệ.)

That skateboard trick was sick! (Kĩ năng lướt ván đó thật đáng kinh ngạc!)

Dope: tuyệt vời; thú vị. Ví dụ:

That song is so dope! (Bài hát đó thật tuyệt vời!)

We had a dope time at the party last night. (Chúng tôi đã có một buổi tiệc thật thú vị tối qua.)

Lit: chỉ sự vui vẻ, phấn khích; diễn đạt sự thành công. Ví dụ:

That party was so lit! (Bữa tiệc đó thật sự vui vẻ!)

My presentation went really well, it was lit!

(Bài thuyết trình của tôi đã thành công, nó thật tuyệt!)

Một số ví dụ khác:

Angel (n):

+ Người đóng góp quỹ vận động tranh cử của 1 chính trị gia.
+ Người đóng góp tài chính cho bất kì hoạt động kinh doanh nào.
+ Người đàn ông đồng tính.
+ Nạn nhân của một tên trộm hoặc một tay lừa đảo.
+ Một chiếc trực thăng bay gần hàng không mẫu hạm để cứu đội bay bị đâm xuống nước.

Apple (n):

+ Người đàn ông, anh chàng, anh bạn.
+ Người thổ dân Mỹ nịnh bợ những tổ chức của người da trắng.
+ Quả bóng, đặc biệt là bóng chày.
+ Đường phố hoặc khu vực nhộn nhịp.

- Box (n):

+ Quan tài.
+ Chết.
+ Máy ảnh.
+ Tủ lạnh, tủ ướp lạnh.
+ Nhà tù.
+ Bộ phận sinh dục nam/ nữ.
+ Tình huống khó khăn, tình thế lưỡng nan.

Break (v):

+ Để lộ nhanh chóng.
+ Thực hiện một điệu nhảy trong khi ổ chuột thành phố, là những cú vặn người phức tạp nhằm phô bày sự cân bằng và sức mạnh trên sàn nhà.
+ Hạ cấp, giáng cấp trong quân đội.
+ Làm phá sản một công ty.
+ Phá hủy cơ hội hoặc danh tiếng của ai.

Bug (n):

+ Vi khuẩn, virus
+ Căn bệnh giống với cảm cúm, liên quan đến hô hấp.
+ Thiết bị nghe lén.
+ Cô gái.
+ Người hâm mộ, người say mê.

Dog (n):

+ Người đàn ông không đáng tin cậy.
+ Người mới vào nghề hoặc sinh viên năm thứ nhất.
+ Điểm 'D' (thang điểm chữ theo hệ thống đào tạo tín chỉ).
+ Bạn, bạn bè, anh bạn.
+ Thứ hàng hóa không ai muốn mua.

Dirty (a):

+ Không trung thực.
+ Nghiện ma túy.
+ Bất hợp pháp, không đúng với pháp luật.
+ Mắc bệnh lây lan qua đường tình dục.
+ Để lại nhiều chất thải hoặc chất gây nhiễm phóng xạ.

Fish (n):

+ Tù nhân mới đến trại.
+ Phụ nữ lẳng lơ.
+ Một đôla.
+ Người bị xem là thù địch và khó ưa bởi một bang đảng đường phố.
+ Tội phạm.
+ Đối thủ yếu, địch thủ kém.

b) Từ lóng có cách phát âm tương tự nhau:

bread và bred: *bread* nghĩa lóng là tiền, ví dụ: *to bring in bread* (kiếm tiền); *bred* viết tắt của từ *brederin*' nghĩa lóng là anh trai. Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /red/.

peace và *piece*: *peace* với nhiều nghĩa lóng, trong đó được giới trẻ sử dụng tương đương như một lời chào, ví dụ: *1. A'ight, see ya. Peace. Peaceout. 2. Peace. Please leave a message...*); *piece* (nghĩa lóng: khẩu súng, con dao, hoặc loại vũ khí nào đó). Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /pi:s/.

bear và *bare*: *bear* được sử dụng bởi những người đồng tính nam để mô tả một người đàn ông vạm vỡ, to lớn với rất nhiều lông trên cơ thể; *bare* mang nghĩa lóng là rất nhiều, ví dụ: *Man, I got bare homework*. (Anh bạn, tôi nhiều bài tập về nhà lắm). Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /bɛr/.

flour và *flower*: *Flour* chỉ loại phấn thoa mặt; *flower* mang nghĩa lóng chỉ một chàng trai ẻo lả hoặc đồng tính nam. Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /flaʊər/.

hair và *hare*: *hair* ám chỉ điều gì đó phức tạp, ví dụ: *a system with a lot of hair* (một hệ thống với nhiều sự phức tạp); hare ám chỉ một người con gái thay người yêu như thay áo, giống như cách con thỏ chạy nhảy hết chỗ này chỗ kia, ví dụ: *ví dụ: Ryan is such a hare. She has a new boyfriend every week.* (Ryan thay người yêu như thay áo vậy. Tuần nào cũng có một anh bạn trai mới). Cả hai từ này đều được phát âm giống nhau với âm /hɛə/.

Một số cặp từ lóng đồng âm khác:

Right và write: *(The) right* được sử dụng với nghĩa phe hữu, phái hữu; *write (the book)* chỉ ai đó là chuyên gia trong lĩnh vực nào đó, ví dụ: *Can she sing? Hell, she writes the book!* (Cô ấy có thể hát à? Trời đất! Cô ấy là chuyên gia đấy!). Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /rait/.

Night và knight: Night có nghĩa lóng để thể hiện sự hấp dẫn một cách cuồng nhiệt của phụ nữ, ví dụ: *She is a 'night'*! (Cô ấy cực kì quyến rũ!); *knight* chỉ một người bạn tốt, nhưng đôi khi hành động khá kì quặc. Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /nait/.

Sale và sail: Sale được sử dụng với nghĩa lóng chỉ hoạt động bán dâm; *sail (into)* mang nghĩa quở trách, chỉ trích ai đó nặng nề. Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /seɪl/.

Flee và *flea*: *Flee* là cách gọi một người bạn rất thân, ví dụ: *What's up flee?* (Dạo này ổn không bạn?); *flea* (*market politics*) nghĩa lóng chỉ những hành động chính trị tầm phào và vô ích. Cả hai từ đều được phát âm giống nhau với âm /fli:/.

3. Kết luận

Cũng như các từ ngữ lóng của các ngôn ngữ, từ ngữ lóng tiếng Anh nhìn từ đặc điểm ngữ nghĩa có thể thấy, chúng có đặc điểm chung là: có thể được tạo bằng vỏ ngữ âm mới hoặc phát triển nghĩa lóng từ các từ ngữ đã có, trong đó, đáng chú ý là phát triển theo nghĩa ẩn dụ. Một đặc điểm cũng đáng chú ý là, hiện tượng đồng nghĩa và đồng âm trong từ ngữ lóng khá phổ biến. Điều này phản ánh đặc điểm phương ngữ xã hội của từ ngữ lóng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lập Nguyễn (2018), *New Dictionary of American-Vietnamese Slang*. ISBN: EPUB: 978-1-5356-1199-2.
2. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Văn Khang (2001), *Tiếng lóng Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội.
4. Nguyễn Văn Khang, (2019), *Ngôn ngữ mạng-Biến thể ngôn ngữ trên mạng xã hội*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt.* Nxb Giáo dục.
6. Lương Văn Hy (2000), *Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*. Nxb Khoa học xã hội.

Tiếng Anh

7. Andersson, L.G. & P. Trudgill (1990), *Bad language*. Blackwell. Oxford.
8. Ayto, J. (ed.) (1998), *The Oxford Dictionary of Slang*. Oxford University Press. Oxford.
9. Bauer. L (1987), *English Word Formation*. Cambridge University Press.
10. British National Corpus (BNC) (1991-1995), Oxford University Press. Oxford.
11. Eble, C. (1996), *Slang and sociability: In-group language among college students*. The University of North Carolina Press. Chapel Hill/London.
12. Partridge, E. (1970), *Slang today and yesterday*. Routledge & Kegan Paul. London.
13. Robert L. Chapman (2000), *American Slang*. Harpers & Row. Publishers.

https://www.urbandictionary.com.

Semantic features of slang words in English

Abstract: Slang is a variant of language used within a small group of people in a community. Slang words play the dominant role of slang language. Slang words often do not have a direct or literal meaning but rather a symbolic or figurative sense one. Slang is increasingly developing and tends to be used 'within social groups'. These characteristics make the meaning of slang words become rich and diverse. The article aims to examine the semantic features of slang words in English in such aspects as creating new slang words; developing slang meanings from existing words; the phenomena of synonym and homonym.

Key words: slang; slang word; semantic features; synonym; polysemy; homophony.